TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 86/2022/QĐST–HNGĐ	*C, ngày 18 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trương Duy K, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Chị Võ Thị N, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Duy K và chị Võ Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Trương Duy K và chị Võ Thị N thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Trương Duy K và chị Võ Thị N thống nhất giao cháu Trương Thị N1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2009 cho chị Võ Thị N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Trương Duy K không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Duy K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Duy K và chị Võ Thị N thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trương Duy K và chị Võ Thị N mỗi người phải chịu là 75.000 đồng nhưng anh K và chị N thống nhất anh K chịu toàn bộ án phí. Do đó, anh K phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007804 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh K được nhận lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện C;
- VKSND huyện C;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Trúc Hằng